

Góp ý Dự thảo quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh GS/PGS 2017

Tiếp theo góp ý của PGS.TSKH Phạm Đức Chính, Viện Cơ học trong Bản tin KHCN số tháng 2-2017, trong số này Bản tin xin tiếp tục chia sẻ với bạn đọc ý kiến góp ý của các nhà khoa học trong Viện Hàn lâm KHCNVN: GS.TSKH Ngô Việt Trung, GS.TSKH Phùng Hồ Hải, GS.TSKH Hoàng Xuân Phú, Viện Toán học và PGS.TS Nguyễn Ngọc Châu, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.

Những tiêu chuẩn chức danh đang phá hoại nền giáo dục Việt Nam
GS. TSKH Ngô Việt Trung, Viện Toán học

Hiện nay Bộ Giáo dục và Đào tạo đang lấy ý kiến cho Bản dự thảo Quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư. Bản dự thảo có một số thay đổi quan trọng so



xem tiếp trang 2

Tuổi trẻ Viện Hàn lâm KHCNVN: Sẵn sàng làm chủ khoa học và công nghệ hiện đại

Ngày 22/3/2017, Đoàn Thanh niên Viện Hàn lâm KHCNVN đã tổ chức Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh lần thứ VI, nhiệm kỳ 2017-2021. Một trong những mục tiêu chính của Đoàn Thanh niên Viện Hàn lâm nhiệm kỳ tới là: Tuổi trẻ Viện Hàn lâm KHCNV vững vàng tư tưởng, nắm chắc chuyên môn, tự tin hội nhập quốc tế, sẵn sàng làm chủ khoa học công nghệ hiện đại.



Đại diện thanh niên tiêu biểu của Viện chụp ảnh lưu niệm với các Đại biểu tham dự đại hội

xem tiếp trang 8

Trong số này

GS.TSKH Phùng Hồ Hải: Cần xác lập và thống nhất quan điểm GS/PGS là một vị trí công tác

>> Trang 3

PGS.TS Nguyễn Ngọc Châu: Cần tiếp tục lấy ý kiến lần 2 cho bản dự thảo mới về tiêu chuẩn chức danh GS/PGS

>> Trang 6

Trò chuyện với PGS. TS Phạm Thu Nga (Một trong 5 nhà KH đạt giải thưởng Kovalévskaja): Muốn trao truyền tri thức cho những nhà khoa học trẻ

>> Trang 9

Đoàn chuyên gia Sở hữu trí tuệ thế giới thăm và làm việc tại Viện Hàn lâm KHCNVN

>> Trang 11

Đề xuất nhiệm vụ Hợp tác quốc tế với Quỹ NCCB Belarus

>> Trang 12

Tin vắn, Công bố mới

>> Trang 12

Góp ý Dự thảo...

(tiếp theo trang 1)

với Quy định cũ được ban hành năm 2008. Qua đó có thể thấy được mong muốn của Bộ là hoàn thiện và nâng cao các tiêu chuẩn trước đây cho phù hợp với thực tế ở Việt Nam. Tuy nhiên Bản dự thảo mới chỉ nâng cao các tiêu chuẩn hình thức về nghiên cứu và đào tạo mà quên mất tiêu chuẩn cốt lõi về trình độ chuyên môn. Chính những điều này đã và sẽ phá hoại lâu dài nền giáo dục Việt Nam.

Cách duy nhất để xét trình độ chuyên môn của một nhà khoa học là xem danh mục công bố khoa học của họ và hơn thế nữa là xem họ công bố ở đâu. Vậy mà tiêu chuẩn tối thiểu cho chức danh phó giáo sư (hay giáo sư) chỉ là công bố được ít nhất một (hay hai) bài báo khoa học trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục ISI, Scopus đã được toàn thế giới công nhận. Để thấy tiêu chuẩn này quá thấp, mọi người chỉ cần biết rằng là theo thông lệ quốc tế, luận án tiến sĩ cần phải có ít nhất hai bài báo khoa học đăng trên các tạp chí ISI/Scopus. Thế mà học vị tiến sĩ mới chỉ là bằng cấp công nhận ai đó có đủ trình độ nghiên cứu độc lập, còn xa mới có thể có chức danh phó giáo sư. Có thể ví người có học vị tiến sĩ là người mới có trình độ vỡ lòng trên con đường làm khoa học, còn người có chức danh phó giáo sư là người làm thầy dạy học. Người chỉ có trình độ vỡ lòng sao có thể đi dạy học cho người khác được.

Nhiều đồng nghiệp của tôi nói rằng tiêu chuẩn trên là một nỗi hổ thẹn cho nền giáo dục Việt Nam. Hổ thẹn là phải thôi vì có xưng chức danh với khách quốc tế thì họ sẽ nghĩ ngay ngay "mày" là đồ dờm, dờm từ học vị tiến sĩ trở đi. Nhiều người thường hay viện cố nền khoa học và giáo dục Việt Nam còn thấp nên chỉ cần tiêu chuẩn thấp thôi. Vấn đề là ở chỗ tiêu chuẩn thấp sẽ dẫn đến thầy dờm, thầy dờm sẽ dẫn đến trò dờm, trò dờm sẽ trở thành thầy còn dờm hơn nữa. Sau vài thế hệ sẽ chẳng còn ai tin vào chất lượng giáo dục đại học của Việt Nam nữa. Vì vậy việc đầu tiên cần làm nâng tiêu chuẩn tối thiểu cho chức danh GS/PGS lên trên thông lệ quốc tế cho luận án tiến sĩ. Nền giáo dục đại học của chúng ta còn kém không có nghĩa là chúng ta phải đưa bằng cao học của chúng ta xuống ngang bằng đại học, bằng tiến sĩ chỉ ngang bằng cao học, chức danh phó giáo sư chỉ ngang bằng tiến sĩ.

Nhiều người lại nói rằng tiêu chuẩn chức danh của chúng ta đâu có thấp về chuyên môn. Muốn đạt được tiêu chuẩn phong phó giáo sư thì phải có ít nhất 6 điểm công trình quy đổi tương đương khoảng 6 bài báo khoa học hoặc 3 cuốn sách giáo trình. Chỉ cần công bố trong các tạp chí ở trường là đã được tính điểm quy đổi. Tôi đã từng thấy có người công bố đến 4-5 bài báo trong cùng một số tạp chí của trường mình. Chỉ cần vài số tạp chí như vậy là đã đủ điểm quy đổi công trình. Nếu thiếu thì có thể viết sách vì sách còn được tính điểm công trình cao hơn điểm bài báo. Ai cũng biết in sách bây giờ quá dễ, dễ đến mức

ai cũng in được thơ của mình. Sách chuyên môn thì thầy viết kiểu gì cũng đem giảng cho sinh viên được. Sau đó nhà trường phải công nhận đó là sách phục vụ giảng dạy, thế là được tính điểm. Có thể thấy ngay các sách báo kiểu này không phản ánh chút gì trình độ chuyên môn thực sự của tác giả.

Nói như vậy không có nghĩa là chúng ta không viết bài cho các tạp chí khoa học trong nước nữa. Việc cần làm là chỉ nên tính điểm công trình cho 2-3 tạp chí hàng đầu của mỗi ngành. Có như vậy thì các thì các tạp chí này mới nhận được nhiều bài gửi đăng và do đó nâng cao được chất lượng chuyên môn thông qua việc xét chọn các bài báo tốt nhất. Không thể để tình trạng vàng thau lẫn lộn với hơn 350 tạp chí được tính điểm công trình như hiện nay.

Quy định mới không nên tính điểm cho việc viết sách vì những hệ lụy khôn lường của việc này. Cần phân biệt rõ giữa sách giáo khoa và giáo trình giảng dạy. Thông thường, các giáo viên chuẩn bị giáo trình giảng dạy theo những sách giáo khoa tốt được viết bởi những người có kinh nghiệm giảng dạy lâu năm và am hiểu chuyên môn sâu sắc. Chỉ có rất ít các nhà khoa học có khả năng này và phải kỳ công nhiều năm mới viết xong một cuốn sách tốt. Phần lớn các ứng viên chức danh bây giờ đều viết sách, không phải là một cuốn mà đến 3-4 cuốn hoặc hơn nữa, càng nhiều cuốn thì càng tùy tiện. Tôi đã được đọc những cuốn sách của các ứng viên được viết rất "ngây ngô" và nhiều khi "phản khoa học". Những cuốn sách này chắc đã được tác giả dạy cho sinh viên của mình và tôi thực sự lo ngại cho sinh viên hiện nay vì có thể họ sẽ được truyền đạt những kiến thức sai lệch và việc này có thể kéo dài qua nhiều thế hệ.

Có một nghịch lý là trong lúc tiêu chuẩn về chuyên môn của chức danh thấp nhưng những tiêu chuẩn khác thì được yêu cầu rất cao. Ví dụ như ứng viên chức danh phải viết ít nhất một cuốn sách phục vụ đào tạo. Viết được một cuốn sách tốt là một công việc công phu và không phải ai cũng làm được việc này. Không nước nào yêu cầu cán bộ giảng dạy phải viết sách cả và đại đa số các giáo sư ở các nước phát triển như ở Mỹ cũng không hề viết sách trong cả sự nghiệp của mình. Vô lý nhất là yêu cầu ứng viên giáo sư phải có ít nhất 3 nghiên cứu sinh đã bảo vệ luận án tiến sĩ trong lúc bản thân chỉ cần có số công bố ngang bằng với yêu cầu cho một luận án tiến sĩ quốc tế. Có thể làm một phép tính thô thiển để thấy rằng chất lượng tiến sĩ kiểu này chỉ bằng 1/6 chất lượng tiến sĩ quốc tế.

Nguy hiểm hơn, là các ứng viên phải đào tạo nghiên cứu sinh bằng mọi cách để đạt chuẩn giáo sư, bất kể nghiên cứu sinh của mình có xứng đáng với học vị tiến sĩ hay không. Thế nên mới có người vừa bảo vệ tiến sĩ xong đã bắt tay đào tạo nghiên cứu sinh mà đào tạo luôn một lúc 2-3 người, mà dễ nhất là đào tạo ở các trường địa phương. Đào tạo tiến sĩ kiểu này thì trình độ chuyên môn chả còn gì sau vài thế hệ. Ở

các nước người ta phong chức danh cho những người có khả năng đào tạo tiến sĩ, chứ không phải có đào tạo tiến sĩ rồi mới được phong chức danh như ở ta.

Bản dự thảo cũng yêu cầu ứng viên chức danh phải có nhiều thâm niên giảng dạy nhưng thâm niên giảng dạy không phản ánh khả năng giảng dạy của ứng viên. Ở các nước phát triển, khả năng này được thẩm định khi ứng viên làm thuyết trình trước một hội đồng khoa học chứ người ta không quan tâm mấy đến thâm niên. Vì vậy, quy định mới chỉ nên yêu cầu ứng viên có thâm niên giảng dạy và không cần phải liên tục trong 3 năm cuối để có thể tuyển được những người giỏi được đào tạo ở nước ngoài trở về nước làm việc.

Tóm lại, chúng ta không thể nâng cao trình độ các GS/PGS bằng các tiêu chuẩn mà không nước nào dùng. Cái mà nước nào cũng dùng là thành tích công bố quốc tế thì lại không được quan tâm đúng mức. Thực ra, các nước phát triển không đặt ra những tiêu chuẩn cứng cho các ứng viên. Ứng viên có đạt hay không là do các hội đồng khoa học quyết định dựa trên thành tích nghiên cứu và khả năng thuyết trình khoa học. Vì nền khoa học của chúng ta còn yếu kém nên chúng ta phải đặt ra một số tiêu chuẩn cứng để tránh việc lạm dụng và giữ được một số chuẩn mực chung. Tuy nhiên, tiêu chuẩn kiểu gì, kể cả công bố quốc tế cũng có thể được ngụy tạo. Vì vậy, hội đồng ngành đóng một vai trò rất quan trọng trong việc đánh giá trình độ thực sự của các ứng viên. Các thành viên hội đồng phải là những người công tâm và có thành tích nghiên cứu khoa học nổi trội. Quy định mới nên bổ sung thêm điều khoản lấy phiếu tín nhiệm cho các giáo sư trong từng ngành để có thể chọn được những người có uy tín cao nhất tham gia hội đồng ngành mỗi khi thành lập hội đồng mới.

Bản dự thảo Quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh GS/PGS tuy đã có những cải thiện so với Quy định cũ năm 2008 nhưng vẫn chưa thực sự lấy việc nâng cao trình độ chuyên môn của các chức danh làm trọng tâm. Kinh nghiệm của Quỹ Nafosted cho thấy nếu chúng ta kiên quyết đi theo các thông lệ quốc tế thì chúng ta mới có thể giải quyết được triệt để những bất cập trong hệ thống chức danh ở Việt Nam. Có những ngành sẽ phải "dí súng vào lưng" thì họ mới tiến lên được, còn không thì họ sẽ nói là do đặc thù Việt Nam nên không cần phải hội nhập quốc tế. Không thể lấy lý do nền khoa học chúng ta còn yếu kém để thay đổi từ từ. Nếu yếu kém thì lấy học vị tiến sĩ và phong chức danh để làm gì vì những bằng cấp như vậy sẽ làm bằng hoại nền giáo dục Việt Nam.

Một khi Quy định mới ra đời thì phải mười năm nữa chúng ta mới có khả năng thay đổi Quy định đã ban hành. Mười năm là một thời gian rất dài trong khoa học. Các quy định chức danh phải tạo được động lực để hình thành một thể hệ mới các nhà khoa học Việt Nam có thể ngẩng cao mặt trên trường quốc tế.

Cần xác lập và thống nhất quan điểm GS/PGS là một vị trí công tác

GS.TSKH. Phùng Hồ Hải, Viện Toán học

Cần thay đổi quan điểm GS/PGS là hình thức "vinh danh, công nhận" bởi quan điểm GS/PGS là "bổ nhiệm, khởi nghiệp". Quan điểm GS/PGS là một vị trí công tác với nhiệm vụ duy nhất là giảng dạy/đào tạo là quan niệm có tính chất phổ quát được xác lập ở các nước tiên tiến tại châu Âu từ bốn năm trăm năm trước. Nếu chúng ta không xác lập quan điểm này thì việc học tập những kinh nghiệm khác trong quy trình phong GS của họ sẽ rất dễ rơi vào tình trạng mất cân đối, thiếu công bằng, gây bức xúc.



Lấy ví dụ, khi chúng ta coi GS/PGS là vinh danh, là đỉnh cao, là mục đích cuối cùng của quá trình phấn đấu trong nghiên cứu và đào tạo, nhiều người đã về hưu rồi vẫn đăng ký PGS, có cả GS được phong khi đã trên 70 tuổi thì tiêu chuẩn viết sách, tiêu chuẩn hướng dẫn NCS là hoàn toàn hợp lý. Hay giả sử có vị X đã cố gắng cả cuộc đời để đáp ứng bộ tiêu chí A, nay thay đổi A thành B, ông X sắp hoặc đã về hưu rồi làm sao đáp ứng kịp.

Khi đã xác lập được vai trò của GS/PGS như trên rồi thì sẽ cần tiếp tục xác định số các ghế GS/PGS trong mỗi trường đại học, mỗi cơ sở nghiên cứu và chỉ có ở những đơn vị như vậy. Đây cũng là một thông lệ từ lâu tại các nước tiên tiến trên thế giới. Một ghế GS/PGS tại một trường đại học có thể được sinh ra và mất đi phụ thuộc vào điều kiện tài chính, số sinh viên của trường - đây là nguyên lý phổ quát, bất kể trường học đó là công hay tư. Song song với trách nhiệm là đãi ngộ đối với GS/PGS. Đãi ngộ phải đủ và trách nhiệm phải rõ ràng.

Chính vì hiện nay GS/PGS về cơ bản chẳng được đãi ngộ gì và cũng chẳng có trách nhiệm gì nên mới xảy ra việc họ dùng học hàm của mình vào những việc phi đào tạo/giảng dạy. Chẳng hạn "khám GS thì đắt hơn khám Bác sỹ" hay có học hàm GS/PGS thì mới được lên chức theo ngạch quản lý (hình như cả phong quân hàm?). Việc quy GS/PGS về các vị trí giảng dạy/đào tạo phải được thực hiện đồng thời với việc phân bổ quota GS/PGS cho từng trường đại học dựa trên chất lượng đào tạo, số sinh viên đang đào tạo. Làm được việc này sẽ loại bỏ hoàn toàn các vị GS/PGS không tham gia giảng dạy/đào tạo, trên thực tế là loại bỏ một gánh nặng cho họ. Có lẽ nhiều nhà quản lý cũng chẳng mong mỗi hay tự hào gì với các chức danh này nhưng vì muốn "qua sông" nên phải "lụy đò".

Cuối cùng, khi đã "giống được Tây" ở phần cốt lõi thì việc cân nhắc các mô hình xét tuyển khác nhau sẽ không phải là khó nữa, cũng đã nhiều người bàn, đa số đều hợp lý nên tôi xin không nhắc lại nữa.

Mấy ý kiến trao đổi về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh giáo sư

GS TSKH Hoàng Xuân Phú, Viện Toán học

Dự thảo "Quyết định ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh GS/PGS" (được Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố để lấy ý kiến góp ý trong thời gian từ ngày 20/01/2017 đến ngày 20/3/2017) đưa ra nhiều tiêu chuẩn tỉ mỉ mang tính định lượng. Thử hỏi, ngoài chức danh GS/PGS ra, thì ở Việt Nam có loại chức danh nào khác được quy định như vậy hay không? Nếu bộ tiêu chuẩn ấy là độc nhất vô nhị, thì cũng không nên coi nó là sản phẩm đặc sắc đáng tự hào của giới khoa học. Bởi quy định như vậy có thể là cần thiết đối với thực trạng của giới khoa học nước nhà, nhưng nó chỉ là giải pháp tình thế, bắt buộc dĩ mới phải ban hành, chứ thực ra nó phi khoa học.



Ở các nước tiên tiến, khi xét bổ nhiệm GS/PGS, người ta chỉ căn cứ vào chất lượng, chứ không dựa vào các loại số lượng, và không có đòi hỏi về thâm niên hay thành tích đào tạo. Ứng viên thế nào là đủ chất lượng thì chẳng thể quy định một cách máy móc quan liêu, nên cũng chẳng có quy định về tiêu chuẩn giáo sư. Cho nên, việc cơ quan quản lý nhà nước phải đưa ra những quy định hết sức chi tiết mang tính định lượng về tiêu chuẩn GS/PGS đồng nghĩa với thừa nhận thực trạng, là hệ thống bổ nhiệm chức danh giáo sư ở Việt Nam không thể đánh giá chất lượng khoa học khách quan và chính xác. Song, nếu vì lý do ấy, thì tại sao lại không đề ra những tiêu chuẩn tương xứng đối với thành viên hội đồng chức danh giáo sư, mà chỉ sinh ra những đòi hỏi khô cứng dành riêng cho ứng viên GS/PGS?

Một trong những điểm mới mẻ của bản Dự thảo lần này là có thêm quy định cụ thể về số bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí thuộc hệ thống ISI, Scopus. Chẳng hạn, đối với chức danh giáo sư, "ứng viên thuộc nhóm ngành Khoa học Tự nhiên, Kỹ thuật và Công nghệ là tác giả chính và đã công bố được ít nhất 02 (hai) bài báo khoa học trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống ISI, Scopus", và ứng viên thuộc nhóm ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn phải có một bài báo như vậy (Điều 8 Khoản 4). Có lẽ, mục đích của quy định ấy là nâng cao chất lượng bổ nhiệm GS/PGS và hạn chế bớt sự tùy tiện của các hội đồng chức danh giáo sư.

Đó là một cố gắng đáng ghi nhận của những người đề xuất. Song, buồn thay, quy định ấy cũng góp phần bóc trần thực trạng chất lượng bổ nhiệm giáo sư ở Việt Nam. Qua đó ta thấy, nếu rũ bỏ những quy định công kênh và phi khoa học, thì tiêu chuẩn khoa học đáng kể nhất để bổ nhiệm chức danh GS/PGS ở Việt Nam chỉ còn sót lại ở tầm hoặc dưới tầm nghiên cứu sinh bảo vệ tiến sĩ. (Tất nhiên, đó là so với nghiên cứu sinh bảo vệ tiến sĩ ở những cơ sở đào tạo có chất

lượng tốt, chứ giáo sư trình độ thấp đến mấy thì vẫn đủ khả năng đào tạo ra tiến sĩ với trình độ... thấp hơn hẳn so với thầy.) Chất lượng thấp thảm hại như vậy, mà được bổ nhiệm chức danh GS/PGS, thì đương nhiên sẽ gây ra những hậu quả tai hại cho sự nghiệp giáo dục nước nhà. Hơn nữa, khi cái danh nghĩa ấy góp phần giúp những người kém cỏi leo lên vị trí quản lý có vai trò quyết định, thì hậu quả còn tai hại gấp bội.

Chưa rõ tác dụng thực tế của quy định "ISI, Scopus" kể trên sẽ như thế nào, nhưng chắc chắn nó sẽ trở thành bằng chứng không thể chối cãi để phủ định chất lượng bổ nhiệm GS/PGS ở Việt Nam, tạo cơ cho dư luận đàm tiếu và chê bai cộng đồng GS/PGS của Việt Nam. Tất nhiên, khi thực trạng đáng chê thì cũng đành ráng chịu. Song hậu quả đáng nói hơn là cái quy định được đề xuất nhằm nâng cao chất lượng lại góp phần làm giảm chất lượng.

Thật vậy, cho dù chất lượng chung của các hội đồng chức danh giáo sư thấp đến đâu đi nữa, thì vẫn có thể tồn tại những hội đồng chất lượng cao, đủ năng lực để lựa chọn những ứng viên xứng đáng được bổ nhiệm GS/PGS. Cho đến nay, những hội đồng chất lượng cao như vậy có thể không bầu chọn một số ứng viên có khá nhiều công trình đã được công bố nhưng chất lượng không đủ cao, và lý do dễ giải thích nhất với đương sự thường là "còn ít bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí thuộc hệ thống ISI, Scopus".

Quả thật, đối với các ngành khoa học tự nhiên thì 10 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí thuộc hệ thống ISI, Scopus vẫn có thể coi là chưa đủ để bổ nhiệm chức danh giáo sư, nếu nội dung các bài báo ấy chẳng có gì thật sự nổi bật. Song, nếu tiêu chuẩn "đã công bố được ít nhất 02 (hai) bài báo khoa học trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống ISI, Scopus" được thông qua và có hiệu lực thực hiện, thì đương sự có quyền hiểu rằng: Khi 2 bài báo đã thỏa mãn điều kiện pháp định, thì 5 hay 10 bài không thể bị coi là ít. Vì thế, những hội đồng nghiêm túc sẽ gặp khó khăn hơn hẳn khi muốn nhấn mạnh yếu tố chất lượng thay vì dựa vào số lượng thuần túy.

Đó chỉ là một ví dụ, để minh họa rằng bản Dự thảo còn chứa nhiều quy định chưa hợp lý, cần được cân nhắc kỹ lưỡng và sửa đổi hay hủy bỏ. Để ý kiến không bị phân tán, sau đây chỉ tập trung vào ba nội dung cần phải hủy bỏ và một nội dung cần khắc phục.

1. Phải bỏ quy định bắt buộc có sách, giáo trình

Rất ít giáo sư có đủ năng lực và thời gian để viết sách khoa học với chất lượng tốt. Vì vậy, nếu đòi hỏi mọi ứng viên giáo sư đều phải viết sách, thì chất lượng của phần lớn số sách ấy sẽ thấp đến mức thảm hại. Số lượng kiến thức khoa học được đưa vào các chương trình đào tạo ít đến mức mỗi chuyên ngành chỉ cần một số sách và giáo trình chuẩn thì đã đủ phủ kín phạm vi kiến thức. Số sách còn lại chủ yếu chỉ giao hoán nội dung của các tài liệu gốc và biến báo

chút ít. Vì vậy, nếu đòi hỏi mọi ứng viên giáo sư đều phải có sách phục vụ đào tạo, thì ép họ phải đạo văn, tức là ép họ vi phạm bản quyền và đạo đức khoa học. Ở nước ngoài, tôi chưa thấy nơi nào đòi hỏi ứng viên giáo sư phải có sách đã xuất bản. Trên thực tế, hầu hết các giáo sư nước ngoài mà tôi biết đều chưa hề có sách được xuất bản trước khi họ được bổ nhiệm giáo sư, và phần lớn trong số đó cũng chẳng có sách ngay cả lúc đã về hưu. Thế nhưng họ vẫn được bổ nhiệm giáo sư, rồi rất xứng đáng với cương vị giáo sư và trở thành những nhà khoa học có uy tín cao trên Thế giới.

Ở Việt Nam, riêng yếu tố tiền bạc và háo danh đã đủ để gây ra nạn loạn sách và tệ đạo văn tràn lan. Khi đòi hỏi ứng viên giáo sư phải có sách đã xuất bản, thì ép thêm nhiều người vốn không muốn cũng đành phải hòa mình vào tệ nạn ấy. Yêu cầu mọi ứng viên giáo sư đều phải có sách phục vụ đào tạo không chỉ góp phần làm tha hóa giới khoa học, mà còn có hại cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Dạy và học theo sách chất lượng thấp thì đương nhiên kết quả đào tạo cũng thấp. Khi thầy cô ép học trò phải học theo quyển sách do mình viết, thì đồng thời cũng cản trở học trò tiếp cận những tài liệu gốc tinh hoa. Hơn nữa, khi học trò đọc tác phẩm kém chất lượng chứa đầy lỗi của thầy cô, hoặc phát hiện ra thầy cô mình đã đạo văn đâu đó để đưa vào sách, thì uy tín của thầy cô cũng như của môi trường giáo dục bị sút mẻ nặng nề. Vì các lý do nêu trên, cần phải cương quyết loại bỏ các đòi hỏi viết sách và giáo trình mang tính bắt buộc (tại Khoản 5 và Khoản 8 của Điều 8 và Điều 9).

2. Phải bỏ đòi hỏi đã hướng dẫn xong nghiên cứu sinh, học viên cao học

Ở CHLB Đức, thường chỉ GS/PGS (được gọi chung là Professor) mới đứng tên hướng dẫn nghiên cứu sinh, mặc dù trên thực tế nghiên cứu sinh có thể do một tiến sĩ trong nhóm tuyển chọn và trực tiếp hướng dẫn. Thông lệ ấy không chỉ để đảm bảo chất lượng đào tạo, mà còn nhằm bảo quyền lợi của người học. Nếu GS/PGS không hướng dẫn trực tiếp, thì cũng phải chính thức đứng ra đảm bảo về chất lượng đào tạo và chịu trách nhiệm trước nhà trường và người học. Ở Việt Nam thì ngược lại, đòi hỏi ứng viên GS/PGS phải hướng dẫn xong mấy tiến sĩ, thạc sĩ trước khi đăng ký chức danh. Vì thế, người học không đơn thuần là đối tượng để các GS/PGS đào tạo, mà còn trở thành phương tiện để giúp các nhà giáo được phong GS/PGS. Quy định lạ đời ấy vừa thiếu tôn trọng người học, vừa góp phần hạ thấp chất lượng đào tạo tiến sĩ và thạc sĩ (vốn dĩ đã quá thấp) ở Việt Nam. Đơn giản vì một số thầy cô muốn nhanh chóng đạt được tiêu chuẩn về hướng dẫn nghiên cứu sinh và học viên cao học, để sớm được phong GS/PGS, nên có thể diễn ra cảnh vợ bèo vạt tép để có học trò, nhận hướng dẫn cả loại quá kém, rồi viết luận án, luận văn và các bài báo khoa học thay cho học trò, hoặc mặc dù kết quả chưa đạt yêu cầu nhưng cũng coi như

xong và cho bảo vệ. Đó là hiệu ứng tiêu cực không thể tránh khỏi trong hoàn cảnh đạo đức nhà giáo đã xuống cấp trầm trọng. Để phù hợp với thông lệ quốc tế, tôn trọng người học và hạn chế hiệu ứng tiêu cực nêu trên, cần phải loại bỏ đòi hỏi đã hướng dẫn xong nghiên cứu sinh, học viên cao học (tại Khoản 7 của Điều 8 và Điều 9).

3. Phải bỏ mấy quy định về thời gian, thâm niên

Chẳng hiểu dựa vào cơ sở khoa học nào, mà quy định hiện hành cũng như Dự thảo quy định lại đòi hỏi ứng viên GS/PGS phải thỏa mãn mấy tiêu chuẩn về thời gian. Ví dụ, đối với ứng viên giáo sư, Điều 8 Khoản 2 của bản Dự thảo quy định: "*Đã được bổ nhiệm chức danh phó giáo sư có thời gian từ đủ 03 (ba) năm trở lên tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư tại Hội đồng Giáo sư cơ sở*". Kỳ lạ hơn nữa là quy định: "*Những trường hợp đã được bổ nhiệm chức danh phó giáo sư nhưng chưa đủ 03 (ba) năm thì phải có ít nhất gấp hai lần các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 và Khoản 7 của Điều này.*" Như vậy, để thay thế cho 1 hoặc 2 năm xét trước thời hạn, thì theo yêu cầu của Khoản 7, ngoài 3 nghiên cứu sinh phải hướng dẫn thành công theo quy định mà mọi ứng viên thông thường đều phải đạt, ứng viên ngoại lệ phải có thêm 3 nghiên cứu sinh nữa đã bảo vệ xong luận án tiến sĩ, trong khi việc đào tạo nghiêm túc 3 nghiên cứu sinh đóng vai trò thay thế phải mất thời gian gấp nhiều lần.

Đối với giới lãnh đạo và quản lý, không hề có quy định chỉ bổ nhiệm cấp trưởng (chẳng hạn như bộ trưởng) trong số những người đã đảm đương cấp phó (tương ứng là thứ trưởng) từ 3 năm trở lên. Vậy thì tại sao lại phân biệt đối xử với giới khoa học, đòi hỏi ứng viên giáo sư phải từng là phó giáo sư từ 3 năm trở lên? Chẳng lẽ lại vì cho rằng làm giáo sư còn khó hơn và quan trọng hơn là làm bộ trưởng hay sao?

Ở các nước tiên tiến, người ta ưu tiên bổ nhiệm GS/PGS cho các nhà khoa học tài năng đang trẻ trung sung sức, và không phong GS/PGS (lần đầu) cho những người đã nghỉ hưu. Phần lớn GS/PGS được bổ nhiệm lần đầu không lâu sau khi có bằng tiến sĩ. Và người được bổ nhiệm giáo sư không nhất thiết phải kinh qua giai đoạn phó giáo sư. Thậm chí, bổ nhiệm ngay lên giáo sư còn là một cách để các trường lấy được người giỏi. Nếu quả là giỏi thì có thể dễ dàng nhận biết khá sớm. Không đủ xuất chúng thì thời gian cũng chẳng thể nào nặn ra tài năng.

Còn ở Việt Nam thì hoàn toàn ngược lại: Dựng lên những rào cản và đòi hỏi về thời gian để làm chậm bước tiến của các nhà khoa học trẻ, rồi lại phong chức danh GS/PGS cho cả những người đã nghỉ hưu. Tại sao lại ngược đời như vậy? Để phù hợp với thông lệ quốc tế, thì cần phải xóa bỏ khỏi bản Dự thảo những quy định về thời gian, mang tính thâm niên.

Thời gian tự nó không thể đảm bảo được bất cứ

điều gì. Nó không thay thế được năng khiếu và nghị lực phấn đấu. Nếu như thời gian có thể nhân lên thành tích của người này, thì nó cũng có thể nhân lên sai lầm và tội lỗi của người khác. Và khi đã trưởng thành thì thời gian chỉ đẩy người ta chóng bước qua quãng đời trẻ trung sung sức, tiến dần đến viễn cảnh già nua. Vì vậy, để hòa nhập với Thế giới văn minh và rút ngắn khoảng cách tụt hậu, thì cần phải cương quyết rũ bỏ lối tư duy phi khoa học, coi thời gian như một thứ thành tích đặc biệt, đến mức không thể hoặc khó có thể thay thế.

4. Không thể tuyệt đối hóa số lượng đến mức lẫn át cả chất lượng

Tiếc rằng Dự thảo quy định về tiêu chuẩn chức danh GS/PGS đã tuyệt đối hóa đòi hỏi về số lượng đến mức lẫn át cả chất lượng. Quy định về số bài báo khoa học đăng trên các tạp chí thuộc hệ thống ISI, Scopus có thể tạm coi là một cải tiến theo hướng nâng cao chất lượng, nhưng nó chưa đủ để đại diện cho chất lượng. Lẽ ra, chỉ cần một số bài được đăng trên tạp chí quốc tế hàng đầu, hay được một giải thưởng quốc tế hàng đầu, thì đã đủ để cơ quan chuyên trách nhận biết tài năng và yên tâm bổ nhiệm giáo sư, mà 20,0 điểm công trình (được quy định tại Điều 8 Khoản 8 của Dự thảo) cũng không thể so bì.

Dự thảo viết: "*Giải thưởng quốc gia, quốc tế thuộc các ngành Kiến trúc, Y-Dược, Nghệ thuật, Thể dục thể thao được tính tối đa 1,0 điểm*" (Điều 11 Khoản 3). Giải thưởng dù là quốc gia hay quốc tế, nhưng nếu nó không liên quan đến khoa học, thì tại sao lại tính nó vào điểm công trình khoa học? Còn nếu nó liên quan đến khoa học, thì tại sao chỉ tính tối đa 1,0 điểm? Và tại sao lại chỉ dừng lại ở 4 ngành Kiến trúc, Y-Dược, Nghệ thuật, Thể dục thể thao, chứ không áp dụng cho các ngành khác? Thật khó biện hộ, khi những giải thưởng khoa học hàng đầu Thế giới, như Fields Medal của Giáo sư Ngô Bảo Châu, lại không có chỗ nương thân trong tiêu chuẩn giáo sư của Việt Nam. Không thể coi là bình thường, là lành mạnh, nếu những người đã được hoặc có thể được bổ nhiệm giáo sư tại các trường đại học hàng đầu Thế giới lại không thỏa mãn tiêu chuẩn giáo sư của Việt Nam, và nếu có được bổ nhiệm giáo sư tại Việt Nam thì cũng phải mang danh "*đặc cách*" hay "*ngoại lệ*".

Vì vậy, cần bổ sung thêm quy định về những trường hợp có thành tích khoa học đặc biệt xuất sắc. Ví dụ: "*Đôi với các nhà khoa học có thành tích nghiên cứu đặc biệt xuất sắc, được giới chuyên môn trên thế giới đánh giá cao, thì có thể căn cứ vào chất lượng công trình nghiên cứu khoa học để xét bổ nhiệm giáo sư hoặc phó giáo sư, mà không cần phải thỏa mãn các tiêu chuẩn về số lượng được quy định trong văn bản này.*"

Nếu chưa yên tâm, thì có thể quy định thêm về tỷ lệ phiếu đồng thuận của các hội đồng chức danh giáo sư, với mức độ cao hơn hẳn so với tỷ lệ dành cho các trường hợp ứng viên thông thường.

Tóm lại, bốn hạn chế kể trên không chỉ thuộc loại lạc điệu so với Thế giới văn minh, mà còn có thể gây tác hại trầm trọng. Nếu chúng không được khắc phục, thì quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh GS/PGS trở thành yếu tố cản trở, thậm chí kéo lùi sự phát triển của khoa học, giáo dục và đào tạo ở Việt Nam. Một mặt, nó làm chậm tiến độ phát triển và hạn chế mức độ đóng góp của nhiều nhà khoa học xuất sắc, tâm huyết và nghiêm túc, đặc biệt là các nhà khoa học trẻ đang sung sức. Mặt khác, nó lại hợp lý hóa cho việc bổ nhiệm chức danh GS/PGS cho những người không xứng đáng, để họ có thể leo lên các vị trí chủ chốt và đóng vai trò quyết định, khiến cho môi trường nghiên cứu khoa học, giáo dục và đào tạo của Việt Nam vốn đã quá ô nhiễm lại càng ô nhiễm nặng nề hơn. Vì vậy, nếu không khắc phục các hạn chế trong bản Dự thảo, thì những người tham gia soạn thảo và ban hành quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh GS/PGS khó có thể chối bỏ phần trách nhiệm của mình đối với những hậu quả tệ hại không đáng có.

Cần nhấn mạnh rằng: Nếu vì thông cảm với hoàn cảnh thực tế của cộng đồng khoa học Việt Nam, là có quá nhiều người không đạt được chất lượng nghiên cứu khoa học theo chuẩn quốc tế, thì có thể chấp nhận cho họ dùng số lượng để bù một phần chất lượng. Và cũng có thể nhân nhượng cho họ tính cả một số loại thành tích xa lạ với thông lệ khoa học quốc tế, để thay thế cho một phần kết quả nghiên cứu khoa học đích thực. Nhưng quyết không thể quá chiều ý cộng đồng ấy, đến mức để yếu tố số lượng lẫn át cả chất lượng, biến những thứ thay thế bất đắc dĩ được dành riêng cho họ trở thành tiêu chuẩn chung, và bắt buộc tất cả các ứng viên đều phải đạt. Để rồi nhiều nhà khoa học xuất sắc thực sự xứng đáng được bổ nhiệm GS/PGS bị lâm vào cảnh chưa đạt tiêu chuẩn, trong khi nhiều người không hề xứng đáng thì lại có thể vênh vang vì được bổ nhiệm "*đúng quy trình*".

Cần tiếp tục lấy ý kiến lần 2 cho bản dự thảo mới về tiêu chuẩn chức danh GS/PGS

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Châu, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Sau gần 2 tháng đưa lên mang lấy ý kiến cộng đồng khoa học, theo tôi Ban Dự thảo đã nhận được khá nhiều ý kiến đóng góp tâm huyết, sâu sắc của các nhà khoa học. Tựu chung, cộng đồng khoa học mong muốn văn bản lần này phải đổi mới thật sự theo các chuẩn mực quốc tế, đặc biệt đổi mới tiêu chí đánh giá về tiêu chuẩn và thủ tục bổ nhiệm GS/PGS ở Việt Nam.

Như chúng ta biết, hiện nay trên thế giới có 2 mô



hình đánh giá, bổ nhiệm GS/PGS:

i) Mô hình ở Mỹ, Anh, Úc và nhiều nước Tây Âu là các trường đại học tuyển chọn và bổ nhiệm GS/PGS căn cứ nhu cầu nghiên cứu, đào tạo và đẳng cấp của trường.

ii) Mô hình ở Pháp, Đức và một số nước Đông Âu, chỉ khác đôi chút là các trường đại học đánh giá tuyển chọn, sau đó Hội đồng giáo sư nhà nước do Bộ GDĐT (ở Pháp) hoặc tiểu bang (ở Đức) thành lập, thẩm định và bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng GS/PGS. Ở Việt Nam do mặt bằng trình độ, nguồn nhân lực các cơ sở giáo dục, đào tạo còn khác nhau nên đa số ý kiến ủng hộ chọn mô hình đánh giá, bổ nhiệm GS/PGS theo mô hình của Pháp, Đức là hợp lý.

Về tiêu chí đánh giá, thì năng lực và thành tích nghiên cứu khoa học là tiêu chí quan trọng nhất để đánh giá bổ nhiệm GS/PGS. Các tiêu chí khác như thâm niên giảng dạy, viết sách, hướng dẫn TS và ThS, v.v,... nếu cần đưa vào hồ sơ cũng chỉ có giá trị bổ sung chứ không thể là điều kiện tiên quyết như trước đây. Đánh giá tiêu chí năng lực và thành tích nghiên cứu khoa học qua công bố trên tạp chí ISI là khách quan nhất. Một số người cho rằng nếu áp dụng tiêu chí này số lượng ứng viên đạt chuẩn GS/PGS sẽ giảm so với trước đây, nhưng không hẳn như vậy, vì từ thực tiễn NAFOSTED cho thấy, số ứng viên trẻ có công bố ISI đủ điều kiện xin tài trợ nghiên cứu cơ bản không ít, đa số họ được đào tạo bài bản từ các đại học đẳng cấp quốc tế, họ chỉ thiếu các điều kiện khác như thâm niên giảng dạy, hướng dẫn Tiến sĩ, Thạc sĩ mà thôi. Hơn nữa, cũng không ngại sự chuyển đổi theo tiêu chí quốc tế, vì những ai muốn thăng tiến trong sự nghiệp khoa bảng họ biết cách chuẩn bị để có thể đáp ứng các chuẩn quy định; các cơ sở GDĐT cũng vì thế sẽ có chiến lược để chuẩn bị nguồn nhân lực tinh hoa cho đội ngũ GS/PGS của trường. Những người được bổ nhiệm theo chuẩn mới chắc chắn có thể ngang cao đầu với các đồng nghiệp quốc tế.

Tất nhiên, trước mắt từ năm 2019 chưa thể yêu cầu cao như quốc tế đang làm, nhưng cũng không nên sợ đến mức chỉ yêu cầu một vài bài ISI, Scopus như dự thảo, mà cần ở mức 5-10 công bố ISI, trong đó cần yêu cầu 50% số bài đứng tên tác giả chính hoặc tác giả liên hệ (corresponding author), để bất cứ ứng viên nào muốn đạt tiêu chí này cũng phải nỗ lực thật sự ngay từ bây giờ.

Về quy trình thủ tục cần đơn giản hóa, đảm bảo công khai, minh bạch, trong đó cần coi trọng vai trò đánh giá và tiến cử của Trường đại học, Viện nghiên cứu (là nơi có nhu cầu bổ nhiệm chức danh GS/PGS). Những nơi Trường Viện không đủ nguồn nhân sự để thành lập Hội đồng đánh giá cần có sự liên kết hoặc cần giới thiệu ứng viên của Trường đăng ký tại cơ sở GDĐT cùng chuyên ngành.

Hội đồng Giáo sư Nhà nước chỉ đóng vai trò thẩm định hồ sơ ứng viên trước khi ban hành quyết định công nhận ứng viên đủ tiêu chuẩn GS/PGS để các

Trường, Viện bổ nhiệm.

Thủ tục nộp đơn và hồ sơ online chỉ cần upload các minh chứng cần thiết nhất như CV, bằng cấp, các bài báo công bố trên tạp chí ISI, biên bản đánh giá cấp cơ sở, thư tiến cử của các giáo sư có uy tín trong nước và quốc tế cùng chuyên ngành.

Cũng giống thủ tục nộp hồ sơ online của NAFOS-TED, ứng viên chỉ cần 1 bộ hồ sơ hardcopy được in từ bản khai online lấy xác nhận của Trường, Viện là đủ. (Không như hiện nay mặc dù làm hồ sơ online nhưng vẫn phải nộp 03 bộ hardcopy (mỗi bộ 2 quyển) như cũ, thì online chẳng có tác dụng mà còn thêm thủ tục và gánh nặng cho ứng viên và nơi tiếp nhận hồ sơ của ứng viên).

Rõ ràng, so với mong muốn và các ý kiến nhận xét và góp ý của cộng đồng khoa học, thì Bản Dự thảo lần đưa lấy ý kiến lần này chưa đạt yêu cầu, thậm chí còn tương đối xa mới đáp ứng được yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế. Vì vậy, Bản dự thảo mới cần đoạn tuyệt với suy nghĩ và cách làm "không giống ai", cách làm "lệch chuẩn" như trước đây.

Dù sao việc công khai lấy ý kiến lần này là bước đi đúng đắn và cũng là bước đổi mới đáng ghi nhận của Ban Soạn thảo. Tuy nhiên để có được Bản Quy định đạt yêu cầu để trình Thủ tướng Chính phủ ký, tôi xin đề nghị: Trên cơ sở các đóng góp của các nhà khoa học tâm huyết, Ban Soạn thảo nên chuẩn bị lại văn bản. Nếu cần có thể tổ chức Hội thảo mời các nhà khoa học tham gia thảo luận, góp ý và tìm sự đồng thuận về bước đi và tiến trình hòa nhập (Bởi vì ý kiến của nhà khoa học cũng còn khác nhau về tiêu chí về yêu cầu số bài công bố ISI, về thủ tục đánh giá, v.v.). Sau khi có Dự thảo lần 2 nên đưa lên mạng để lấy kiến một lần nữa trước khi hoàn thiện trình Thủ tướng ký.

Từ kinh nghiệm NAFOSTED – một mô hình đang được cộng đồng khoa học đánh giá tốt, đạt chuẩn, tôi cho rằng việc công khai lấy ý kiến góp ý xây dựng rộng rãi của cộng đồng khoa học là việc làm thông minh và khôn ngoan của Ban Soạn thảo khi biết khai thác trí tuệ và sự đồng thuận của cộng đồng khoa học.



Các GS Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước (ảnh nhandan.com.vn)

Tuổi trẻ Viện Hàn lâm...*(tiếp theo trang 1)*

Đoàn thanh niên Viện Hàn lâm KHCNVN thuộc Đoàn khối các Cơ quan Trung ương. Hiện nay, đoàn Viện có 44 cơ sở đoàn trực thuộc, với tổng số đoàn viên là 1253 đồng chí. Các đoàn viên có mặt ở hầu hết các bộ phận nghiên cứu cũng như các phòng ban chức năng, đơn vị đào tạo, sản xuất, ứng dụng và kinh doanh của Viện.



21 đồng chí Ban Chấp hành nhiệm kỳ 2017-2022 ra mắt Đại hội

Nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ đặc thù của Viện Hàn lâm KHCNVN. Do vậy, cán bộ đoàn viên, thanh niên trong viện luôn xác định nhiệm vụ chuyên môn của mình gắn liền với nhiệm vụ chuyên môn của từng đơn vị. Lực lượng đoàn viên thanh niên đã tham gia tích cực và có hiệu quả vào các đề tài nghiên cứu cũng như các hoạt động khác của đơn vị, góp phần không nhỏ vào sự thành công của các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp. Nhiều sản phẩm, trí tuệ của cán bộ, đoàn viên thanh niên trong Viện đã được ghi nhận và tuyên dương tại các Hội nghị, diễn đàn trong nước và quốc tế, như tại lễ trao giải thưởng khoa học Quả cầu vàng (08 cá nhân được khen thưởng), Festival "Sáng tạo trẻ" (04 nhóm tác giả được vinh danh), "Gương mặt trẻ triển vọng Việt Nam năm 2015" (01 cá nhân được trung ương đoàn tuyên dương). Trong 5 năm qua, Viện Hàn lâm KHCNVN có khoảng 115 cán bộ trong độ tuổi đoàn là chủ nhiệm đề tài cấp Viện Hàn lâm, 84 cán bộ là chủ nhiệm đề tài độc lập dành cho cán bộ trẻ; 2368 người là chủ nhiệm đề tài hỗ trợ cán bộ trẻ với tổng kinh phí là 37,57 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Đoàn Viện đã tổ chức được 04 Hội thảo khoa học thanh niên, xuất bản 02 tạp chí KHCN số đặc biệt, 02 kỷ yếu Hội nghị (có số xuất bản ISBN). Những thành quả đó phần nào khẳng định được năng lực chuyên môn, khả năng nghiên cứu độc lập của cán bộ trẻ trong Viện.

Bên cạnh nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, Đoàn Thanh niên Viện Hàn lâm KHCNVN vẫn giữ được bản sắc của thanh niên, nêu cao tinh thần "đâu cần là thanh niên có, đâu khó có thanh niên" bằng một chuỗi các hoạt động phong phú khác: Công tác tuyên giáo, công tác tổ chức xây dựng Đảng; phong trào "Đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp",

phong trào "Xung kích, tình nguyện phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc". Năm 2012, Đoàn Viện đã trao tặng công trình "Trạm điện mặt trời" cho Ban quản lý khu di tích nghĩa trang Trường Sơn. Hiện nay công trình này vẫn hoạt động ổn định, đảm bảo cung cấp điện cho khu vực khánh tiết của nghĩa trang vào các ngày trong tuần khi bị mất điện lưới. Năm 2014, Đoàn Viện đã trao tặng cho Bệnh viện đa khoa huyện đảo Bạch Long Vỹ công trình "Hệ thống xử lý nước sinh hoạt – NANO VAST" – là hệ thống cung cấp nước sạch, đảm bảo tiêu chuẩn nước sinh hoạt cho các bệnh nhân đang điều trị tại bệnh viện.

Còn rất nhiều các hoạt động ý nghĩa khác của Đoàn thanh niên Viện Hàn lâm KHCNVN. Ở khắp mọi miền Tổ quốc, nơi nào cũng ghi dấu chân của các bạn đoàn viên, là sự tri ân đối với thế hệ đi trước, là sự tiếp bước truyền thống cha anh mang lại những việc làm có ý nghĩa và giàu lòng nhân ái cho những nơi xa xôi, cho những mảnh đời kém may mắn.

Với những thành tích đã đạt được, tập thể Đoàn Viện vinh dự được nhận bằng khen của Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN, bằng khen của Trung ương đoàn hàng năm và đặc biệt tháng 9/2015 Đoàn Viện được đón nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Tại Đại hội Đoàn Viện Hàn lâm KHCNVN lần thứ VI, nhiệm kỳ 2017-2022 GS.VS Châu Văn Minh - Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN đã vui mừng nói "Lực lượng trẻ đã góp phần không nhỏ vào việc nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ cũng như quản lý. Đó là những thành công đáng tự hào thể hiện được hoài bão, ước mơ của tuổi trẻ trong thời kì hội nhập". Chủ tịch cũng tin tưởng vào thế hệ thanh niên của Viện sẽ hoàn thành tốt được nhiệm vụ được giao, vững vàng trong mọi hoàn cảnh và xứng đáng là cánh tay đắc lực của Đảng.

Nhân dịp kỉ niệm 86 năm ngày thành lập Đoàn TNC-SHCM (26/03/1931-26/03/2017), Đại hội đại biểu Đoàn TNC-SHCM Viện Hàn lâm KHCNVN lần thứ VI (nhiệm kỳ 2017-2022) được tổ chức long trọng – là sự kiện chính trị quan trọng với tuổi trẻ của Viện, đánh dấu bước phát triển mới của công tác Đoàn và phong trào thanh niên. Đại hội là diễn đàn chính trị quan trọng để tuổi trẻ Viện thể hiện ý chí và quyết tâm được đem tài năng, sức trẻ xung kích, tình nguyện góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Viện Hàn lâm KHCNVN, đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phát huy truyền thống vẻ vang của Viện Hàn lâm KHCNVN trước đây và trí tuệ, bản lĩnh của thanh niên hiện nay, tuổi trẻ Viện Hàn lâm KHCNVN quyết tâm nỗ lực phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn, thử thách thực hiện thắng lợi những mục tiêu, kế hoạch đã đặt ra, xứng đáng với kì vọng và niềm tin yêu của Đảng bộ Viện Hàn lâm KHCNVN.

PGS. TS Phạm Thu Nga: Muốn trao truyền tri thức cho những nhà khoa học trẻ

Với cụm công trình nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng về khoa học và công nghệ nano, nhóm 5 nhà khoa học nữ thuộc Viện Hàn lâm KHCNVN đã được trao giải thưởng Kovalevskaia năm 2016. Điều đặc biệt, họ đều là những nhà khoa học đã ngoài 60 tuổi, nhưng sức làm việc còn rất dồi dào và luôn tâm niệm trao truyền tri thức cho lớp trẻ.

Tập thể khoa học gồm 5 nghiên cứu viên cao cấp của Viện Hàn lâm KHCNVN: PGS. TS Trần Kim Anh, PGS. TS Vũ Thị Bích, PGS. TS Phạm Thu Nga, PGS. TS Trần Hồng Nhung và PGS, TS Nguyễn Phương Tùng. Xuất phát điểm của cả năm nhà khoa học đều từng công tác tại Viện Vật lý, dù sau đó người ở lại Viện Vật lý, người chuyển sang Viện Khoa học vật liệu, mỗi người chọn một hướng đi riêng nhưng họ vẫn thường xuyên trao đổi, hợp tác với nhau qua những công trình nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng về khoa học và công nghệ nano.

Bản tin KHCN có cuộc trò chuyện cùng PGS. TS Phạm Thu Nga, một trong số 5 nhà khoa học nữ thuộc Viện Hàn lâm KHCNVN, chủ nhân của giải thưởng Kovalevskaia năm 2016.

PV: Đầu tiên, xin được chúc mừng bà và các cộng sự của mình đã nhận được giải thưởng Kovalevskaia tối 7/3 vừa qua, đồng thời những nghiên cứu trong suốt gần 30 năm qua của nhóm đã được ứng dụng ngày một nhiều hơn trong thực tế khoa học cũng như đời sống hàng ngày. Xin bà có thể chia sẻ thêm về giải thưởng lần này cũng như chi tiết hơn về công trình nghiên cứu của nhóm trong suốt thời gian qua?

PGS. TS Phạm Thu Nga: Giải thưởng lần này được tặng cho cụm công trình nghiên cứu khoa học cơ bản định hướng ứng dụng về khoa học và công nghệ Nano, của tập thể gồm 5 nhà nữ khoa học. Đây thực chất là 5 PGS.TS. NCVCCC của 3 viện nghiên cứu khác nhau thuộc Viện Hàn lâm KHCNVN, trong đó có ba chị đã gắn bó về công việc với nhau ngay từ những ngày đầu tiên nghiên cứu khoa học, đã có công bố chung về kết quả nghiên cứu trên tạp chí Journal of the Luminescence (ISI) từ những năm 1985. Đó là chị Trần Kim Anh, Vũ Thị Bích và Phạm Thu Nga.

Dẫn chứng điều này để nói lên sự kết hợp nghiên cứu khoa học của các chị đã có kết quả từ khá sớm. Cụm công trình này bao gồm một số công trình mà kết quả đã được công bố trên các tạp chí có chỉ số ISI quốc tế hoặc uy tín trong nước, về các vật liệu kích thước nano chứa các ion đất hiếm, các vật liệu nano tinh thể bán dẫn còn được gọi là các chấm lượng tử, các hạt nano kim loại như các hạt vàng, các vật liệu nano oxit ...dùng cho các lĩnh vực ứng dụng khác nhau như trong lĩnh vực chiếu sáng tiết kiệm điện năng, LED, ứng dụng trong y-sinh, trong lĩnh vực dầu khí....



5 nhà khoa học nữ của Viện Hàn lâm KHCNVN được giải thưởng Kovalevskaia 2016 (từ trái qua phải): PGS.TS Vũ Thị Bích, PGS.TS Phạm Thu Nga, PGS.TS Trần Kim Anh, PGS.TS Trần Hồng Nhung, PGS.TS Nguyễn Phương Tùng)

PV: Được biết, đây không phải là lần đầu tiên công trình nghiên cứu của nhóm các nhà khoa học nữ nhận được giải thưởng, nhưng cảm xúc của bà cũng như cả nhóm có gì khác khi nhận giải thưởng Kovalevskaia lần này, có điều gì bất ngờ không khi nhận được giải thưởng cao quý này thưa Tiến sỹ?

PGS. TS Phạm Thu Nga: Cảm xúc của cả 5 chị em trong tập thể là rất vui mừng, rất vui mừng! Khi làm bộ hồ sơ để cử xin giải thưởng thì cũng có nhiều hy vọng là được. Nhưng khi biết chính thức là tập thể chúng tôi được giải thì cũng thực sự mừng và cũng ít nhiều bất ngờ.

PV: 20 năm cho một đề tài về lĩnh vực được đánh giá cao, là một trong những nước đi đầu trong khu vực Đông Nam Á về nghiên cứu và chế tạo các vật liệu nano. Vậy tại sao từ cách đây rất lâu, đã 20 năm rồi các nhà khoa học nữ lại có thể là những người tiên phong, bắt tay vào lĩnh vực nghiên cứu này ạ?

PGS. TS Phạm Thu Nga: Nhóm 5 nhà khoa học nữ chúng tôi cũng phát triển hướng nghiên cứu về các phương pháp và thiết bị quang tử phục vụ cho các nghiên cứu vật liệu nano và ứng dụng y-sinh. Hệ kính hiển vi huỳnh quang đồng tiêu quét la-de đã được nhóm nghiên cứu phát triển lần đầu tiên ở Việt Nam. Hệ kính cho phép chụp cắt lớp và dựng ảnh 3D tế bào và mô sống, là công cụ đặc lực trong nghiên cứu sinh học và chẩn đoán y học. Sự thành công của đề tài nghiên cứu không những cung cấp cho phòng thí nghiệm một công cụ tiên tiến phục vụ nghiên cứu, giảng dạy, mà còn là tiền đề cho các nghiên cứu về xây dựng các phương pháp hiển vi quang học kỹ thuật số hiện đại tiếp theo của Viện Vật lý. Trong tập thể 5 nhà khoa học nữ, PGS. TS Nguyễn Phương Tùng đã xây dựng và phát triển hướng nghiên cứu tổng hợp và ứng dụng các hợp chất, trong đó có các hợp chất cấu trúc nano, trong công nghiệp dầu khí nhằm nâng cao khả năng thu hồi dầu, nâng cao hiệu quả khai thác và an toàn ngoài giàn khai thác dầu khí. PGS. TS Nguyễn Phương Tùng đã đưa ra hệ chất

HĐBM IAMS-M2-P được sản xuất quy mô phòng thí nghiệm trên dây chuyền công nghiệp, bơm ép thử nghiệm thành công ngoài thực tế, giúp tăng thêm sản lượng khai thác 9.140 tấn dầu thô, mang lại giá trị kinh tế.

Chúng tôi thực sự đã có khoảng 20 năm nghiên cứu trong lĩnh vực nghiên cứu và chế tạo các vật liệu nano. Thời gian thực sự trôi rất nhanh đối với chúng tôi. Chúng tôi: người trước người sau đều đã bước chân vào lĩnh vực này, đi theo sự gợi ý và hướng dẫn của các thế hệ các giáo sư Viện trưởng Viện Khoa học Vật Liệu như GS Nguyễn Văn Hiệu, GS Phan Hồng Khôi, GS Nguyễn Quang Liêm. Chúng tôi đã chuyển hướng sang nghiên cứu ở lĩnh vực này.

PV: *Vậy tại sao khoa học nano lại có sức hút kỳ lạ với các nhà khoa học vậy ạ? Các nhà khoa học có chịu ảnh hưởng từ ai hay cơ duyên nào khiến các nhà khoa học lại gắn bó với hướng nghiên cứu này ạ?*

PGS. TS Phạm Thu Nga: Khoa học và Công nghệ Nano là rất mới đối với Việt Nam trong những thời kỳ đầu khi chúng tôi bắt đầu đi vào lĩnh vực này, và cho đến tận bây giờ cũng vậy, nó vẫn còn là mới trong một vài lĩnh vực, đối với các nhà khoa học. Các vật liệu kích thước nano và cấu trúc nano có nhiều ứng dụng khác nhau trong thực tế cuộc sống. Hiểu rõ bản chất vật lý và hóa học liên quan đến các loại vật liệu nano và cấu trúc nano này mang đến cho các nhà khoa học các hiểu biết ngày càng đi sâu hơn vào thế giới vật chất mà kích thước của chúng nằm giữa các phân tử và các vật liệu khối. Các nhà khoa học luôn bị hấp dẫn bởi tính mới của đề tài và tính ứng dụng cao của vật liệu. Do vậy sức hấp dẫn của khoa học nano là tất nhiên thôi. Chúng tôi đều chịu ảnh hưởng nhất định từ các hướng khoa học cơ bản đã được vạch ra từ các cấp lãnh đạo của Viện Hàn Lâm KH & CNVN và từ các quan hệ hợp tác quốc tế mà chúng tôi luôn có từ lâu khi làm khoa học. Các bạn quốc tế họ cũng có cùng mối quan tâm về ngành khoa học nano này với chúng tôi.

PV: *Hướng nghiên cứu này có những ứng dụng gì với thực tế cuộc sống hiện nay trong từng lĩnh vực?*

PGS. TS Phạm Thu Nga: Các nghiên cứu về công nghệ sản xuất vật liệu nano phần lớn đều nhằm tới các ứng dụng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, y sinh và dược học... Lần đầu tiên tại Việt Nam có nghiên cứu về các vật liệu bột phát quang chứa các ion đất hiếm phục vụ cho việc sản xuất đèn ống huỳnh quang tiên tiến, hiệu suất cao hay các vật liệu nano kim loại. Những kết quả của cụm công trình này chứng minh Việt Nam là một trong những nước đi đầu trong khu vực Đông Nam Á về nghiên cứu chế tạo các loại vật liệu nano.

PV: *Công việc nghiên cứu khoa học có rất nhiều khó khăn, đòi hỏi rất nhiều thời gian cũng như công sức nghiên cứu. Vậy với cá nhân bà, công việc nghiên cứu này có gây nhiều áp lực với bà không, khi bà vừa phải chăm lo cho gia đình, vừa dành thời gian cho khoa học?*

GS.VS Nguyễn Văn Hiệu, người đã từng cộng tác lâu năm với 5 nhà KH khi nhận được tin các chị đạt được giải thưởng Kovalevskaia đã hào hứng chia sẻ những ấn tượng của mình về thể mạnh và hướng nghiên cứu đặc trưng của 5 chị:

PGS.TS Trần Hồng Nhung: Tiên phong trong phát triển y học Nano, là hướng khoa học chủ đạo trong tương lai của Viện Hàn lâm KHCN VN.

PGS.TS Vũ Thị Bích: Ứng dụng các phương pháp quang phổ laser, nghiên cứu về các tính chất quang học của các cấu trúc nano.

PGS.TS Trần Kim Anh: Nghiên cứu về các hạt nano phát quang để đánh dấu trong y sinh, đã ứng dụng vào kiểm định vacxin.

PGS. TS Phạm Thu Nga: Chuyên về các chất lượng tử, là loại cấu trúc nano rất phức tạp nhưng phát quang rất mạnh, hiện nay đang được sử dụng rất rộng rãi ứng dụng trong chế tạo pin mặt trời sử dụng chất lượng tử.

PGS.TS Nguyễn Phương Tùng: Ứng dụng các đối tượng kích thước nano vào trong khai thác dầu khí tăng cường hệ số thu hồi dầu khí từ các mỏ, đem lại hiệu quả kinh tế rất lớn.

PGS. TS Phạm Thu Nga: Với cá nhân tôi, việc nghiên cứu này đã gây ra nhiều áp lực với tôi, về thời gian và sức khỏe. Tôi phải đọc các sách, tài liệu tham khảo và làm việc rất nhiều để có thể hoàn thành tốt các đề tài nghiên cứu của mình. Hầu hết các buổi tối tôi đều phải làm việc đến rất khuya, 12 h đêm và ít khi chỉ làm việc 8 tiếng/ngày. Thường phải làm việc nhiều hơn số giờ 8 tiếng ấy. Các nhà khoa học nữ để thành công thì thường rất ít có thời gian nghỉ ngơi thoải mái thật sự.

PV: *Vậy khi làm khoa học, bà có gặp phải những khó khăn gì không ạ?*

PGS. TS Phạm Thu Nga: Phụ nữ làm khoa học phải nỗ lực gấp nhiều lần so với những nhà khoa học nam để có thể vừa có thành tích trong nghiên cứu, vừa hoàn thành tốt vai trò của người vợ, người mẹ trong gia đình. Tôi đã từng bật khóc ở Pháp, muốn quay về Việt Nam ngay lập tức khi nghe tin con ốm nhưng phải cố gác lại những cảm xúc cá nhân để hoàn thành công việc. Bốn đồng nghiệp của tôi cũng đều đã trải qua những giây phút như thế khi nhận được thư nhà, khi trong lòng ôm nỗi day dứt với các con không có nhiều thời gian ở bên cạnh chăm sóc người thân và gia đình.

Tuy nhiên, cố gắng vượt qua những khó khăn đó, tập thể 5 người chúng tôi là tác giả và đồng tác giả của khoảng 636 bài viết công bố trong các tạp chí quốc tế, trong các tạp chí có uy tín trong nước, trong các tuyển tập báo cáo toàn văn của hội nghị quốc tế và quốc gia. Trong đó có khoảng 120 bài đăng trên tạp chí quốc tế và có trong danh mục ISI.

PV: *Nhiều người cho rằng, khoa học là lĩnh vực không gian và thường chỉ dành cho nam giới. Bà có ý kiến*

gì về nhận xét trên ạ? Và bà có thể chia sẻ thêm về đời sống khoa học, công việc làm khoa học của phụ nữ nói chung cũng như những người phụ nữ làm nghiên cứu khoa học trong viện Hàn lâm nói riêng ạ?

PGS. TS Phạm Thu Nga: Có thể nói rằng khoa học là lĩnh vực không chỉ dành riêng cho nam giới. Nó chẳng khô khan mà đòi hỏi nhà khoa học phải tỉ mỉ và sâu sắc. Vì vậy, theo tôi là thích hợp cho phụ nữ, vì phần lớn công việc là đòi hỏi trí óc chứ không phải là chân tay, sức mạnh thể lực! Đời sống khoa học đối với chị em phụ nữ theo tôi là thích hợp và tốt đẹp hơn các áp lực của ngành nghề khác đối với chị em. Mỗi

trường làm việc an toàn, thân thiện và bác ái giữa các nhà khoa học trong Viện Hàn lâm đã cho phép chúng tôi thu được các kết quả tốt đẹp để mà có thể nhận được giải Kovalevskaia 2016. Chúng tôi xin cảm ơn lãnh đạo Viện Khoa học vật Liệu, Viện Vật lý cũng như Viện Hàn lâm KH & CNVN đã tạo điều kiện tốt cho chúng tôi làm việc, cho đến hiện nay.

Xin chân thành cảm ơn bà đã dành thời gian cho Bản tin Khoa học công nghệ. Chúc bà thật nhiều sức khỏe để có thêm những đóng góp cho ngành khoa học nước nhà.

Thu Trang - Trung tâm TT - TL

Đoàn chuyên gia Sở hữu trí tuệ thế giới thăm và làm việc tại Viện Hàn lâm KHCNVN

Trong chuyến thăm Việt Nam của Tổng giám đốc Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) Francis Gurry và tham dự Hội thảo IP-Hub với chủ đề về thương mại hóa tài sản trí tuệ, sáng 24/03/2017 đoàn chuyên gia của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) có buổi thăm và làm việc với Viện Hàn lâm KHCNVN.



Đại diện Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới và Cục SHTT Bộ KHCNVN tham quan và chụp ảnh lưu niệm tại Trung tâm TTTL (ảnh Tường Lan)

Tiếp đoàn và tham gia buổi làm việc có TS. Hà Quý Quỳnh, Trưởng Ban Ban Ứng dụng và Triển khai công nghệ cùng đại diện lãnh đạo một số đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm KHCNVN.

Phát biểu tại buổi tiếp đoàn chuyên gia của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), Trưởng Ban Ban Ứng dụng Hà Quý Quỳnh chào mừng chuyến thăm và làm việc của đoàn chuyên gia của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) tại Viện Hàn lâm KHCNVN và hi vọng qua chuyến thăm này, quan hệ hợp tác giữa hai bên

sẽ ngày càng phát triển đặc biệt là trong lĩnh vực Sở hữu trí tuệ và thương mại hóa tài sản trí tuệ.

Hai bên đã giới thiệu thông tin về đơn vị mình, trao đổi và thảo luận xoay quanh các mối quan tâm về Sở hữu trí tuệ, thương mại hóa tài sản trí tuệ và Dự án IP-Hub về thương mại hóa tài sản trí tuệ, thông qua việc nâng cao năng lực và xây dựng mối liên kết chặt chẽ, hiệu quả giữa các đơn vị nghiên cứu liên quan trong việc phát triển, quản lý và thương mại hóa công nghệ bằng mô hình "Trục và nan hoa" (Hub and spoke).

Viện Hàn lâm KHCNVN nằm trong mạng lưới các Trung tâm Sở hữu trí tuệ nhằm thúc đẩy việc bảo vệ quyền SHTT và thương mại hóa tài sản trí tuệ của Viện Hàn lâm KHCNVN. Đoàn cũng giới thiệu về Dự án IP-Hub với Viện Hàn lâm KHCNVN trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, việc tham gia hình thành mạng lưới kết nối, đặc biệt là mạng lưới kết nối giữa Viện Hàn lâm KHCNVN và Cục Sở hữu trí tuệ có vai trò rất quan trọng trong việc khuyến khích đổi mới nghiên cứu.

Mục tiêu của mạng lưới là hỗ trợ việc tiếp cận với thông tin khoa học công nghệ chất lượng cao và các dịch vụ liên quan, khai thác tiềm năng đổi mới sáng tạo và xác lập, bảo vệ và quản lý quyền SHTT, gia tăng số lượng đơn đăng ký SHCN nói chung, sáng chế nói riêng của Viện Hàn lâm KHCNVN.

Tin: Phạm Quang Dương

CHUYỆN VUI KHOA HỌC

Những câu chuyện ít biết về các nguyên tố hóa học

Nhôm quý hơn vàng

Trước năm 1880, các nhà khoa học mới chỉ tìm ra phương pháp để tách những mẫu nhôm cực nhỏ, do đó nhôm có giá rất cao. Napoleon III, tổng thống đầu tiên của nền cộng hòa Pháp, chỉ cho bày biện đồ dùng bàn ăn bằng nhôm khi tiếp đãi những vị khách cao quý nhất. Những khách mời bình thường sẽ được mời dùng dao nĩa bằng vàng hoặc bạc. Vua Đan Mạch đội vương miện làm bằng nhôm và các quý bà ở Paris (Pháp) thường đeo trang sức cũng như sử dụng ống nhòm bằng nhôm để thể hiện sự giàu có.

Nguyên tố gây tranh cãi lớn về tên gọi

Nhiều nguyên tố hóa học có tên gọi và ký hiệu không khớp nhau, chủ yếu vì ký hiệu lấy từ phiên âm trong tiếng Latin. Trường hợp ngoại lệ duy nhất là tungsten, có ký hiệu là "W." Nguyên nhân dẫn tới sự khác biệt là do nguyên tố này gắn với hai tên gọi trong một thời gian dài. Các nước nói tiếng Anh gọi nó là "tungsten" trong khi các nước khác gọi "vonfam" bởi lý do tungsten lần đầu được tách ra từ quặng khoáng volframit và tên gọi cũ này còn duy trì đến năm 2005. Tuy nhiên, ký hiệu của tungsten trên bảng tuần hoàn hóa học vẫn là "W."

Thu Hà (st).

Viện Hàn lâm KHCNVN bổ nhiệm lãnh đạo đơn vị trực thuộc

Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN vừa ký Quyết định số 421/QĐ-VLH ngày 28/3/2017 về việc bổ nhiệm ông Lê Đức Việt, Tiến sỹ, Trưởng phòng Cơ học công trình, giữ chức Phó Viện trưởng Viện Cơ học. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01/4/2017.

Đề xuất nhiệm vụ Hợp tác quốc tế với Quỹ NCCB Belarus

Trong khuôn khổ các thỏa thuận hợp tác song phương giữa Viện HLKHCNVN với Quỹ Nghiên cứu cơ bản Belarus, chủ tịch Viện HLKHCNVN đề nghị thủ trưởng các đơn vị thông báo cho các cán bộ đơn vị mình quan tâm liên hệ với đối tác nước ngoài xây dựng đề xuất nhiệm vụ hợp tác quốc tế cấp Viện HLKHCNVN giai đoạn 2018-2019. Hạn nộp hồ sơ hết ngày 28/4/2017. Chi tiết tại Công văn số 384/VHL-HTQT ngày 01/3/2018.

Học viện KH&CN thông báo tuyển chọn cá nhân chủ trì đề tài sau tiến sỹ

Học viện Khoa học và Công nghệ (GUST) dự kiến tuyển chọn và trao học bổng cho 20 đề tài KHCN sau tiến sỹ và 20 nhiệm vụ KHCN hỗ trợ sau tiến sỹ. GUST thông báo tới các nhà khoa học trong và ngoài Viện HLKHCNVN có trình độ tiến sỹ về các ngành KHTN&CN, không quá 45 tuổi, được hướng dẫn và được bảo lãnh, cam kết tạo điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị nghiên cứu tại Viện HL KHCNVN. Hạn nhận hồ sơ đăng ký trước 17h00' ngày 21/4/2017. Chi tiết xem tại <http://www.gust.edu.vn/>

Kỷ niệm 10 năm thành lập Sentinel Asia

Sáng ngày 07/3/2017, tại Viện Công nghệ Vũ trụ đã diễn ra lễ kỷ niệm 10 năm thành lập Sentinel Asia - một sáng kiến của Diễn đàn các cơ quan vũ trụ khu vực châu Á-Thái Bình Dương (APRSAP) nhằm phối hợp các tổ chức quốc tế để hỗ trợ các hoạt động giảm nhẹ thiên tai trong khu vực. Sentinel Asia hiện đã có trên 100 tổ chức thành viên đến từ 26 quốc gia và 15 tổ chức quốc tế. Hiện Vệ tinh VNREDSat-1 của Việt Nam đã chụp và cung cấp qua Sentinel Asia trên 300 cảnh ảnh tại các khu vực có thiên tai trong khu vực.

Hợp tác quốc tế

Sáng ngày 3/3/2017, Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam đã tiếp đón và làm việc với Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên Berlin, CHLB Đức về hợp tác nghiên cứu đa dạng sinh học và những lĩnh vực liên quan. Hai bên thảo luận xây dựng một đề tài nghiên cứu khám phá đa dạng sinh học tại một khu vực tiêu biểu của Việt Nam.

Ngày 8/3/2017, Chủ tịch Viện HLKHCNVN đã tiếp Đoàn Bộ Nghiên cứu khoa học và Đổi mới công nghệ Cộng hòa Công Gô. Hai bên đã có quan hệ hợp tác từ năm 2008 và cùng mong muốn thảo luận mở ra nhiều cơ hội hợp tác về KHCN, đặc biệt là lĩnh vực công nghệ vũ trụ.

Ngày 9-10/3/2017, Viện HLKHCNVN đã tới thăm và làm việc tại trường đại học Osaka, Nhật Bản. Hai bên đã thống nhất và ký bản ghi nhớ hợp tác thành lập văn phòng ASEAN có trụ sở tại Việt Nam về lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Đăng ký tham dự hội thảo, hội nghị

Hội nghị Vật lý lý thuyết toàn quốc lần thứ 42: Từ ngày 31/7-3/8/2017 tại Cần Thơ. Chi tiết xem tại <http://www.iop.vast.ac.vn/>

Ngày hội Nghiên cứu sinh USTH lần thứ I: Ngày 17/5/2017, tại Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (USTH). Hạn đăng ký hết ngày 15/4/2017. Chi tiết xem tại <http://www.usth.edu.vn/>

Diễn đàn Quốc tế lần thứ 7 về quản lý và công nghệ xanh 2017: Từ ngày 25-26/10/2017, tại Viện Công nghệ Môi trường, với chủ đề: Cách tiếp cận và giải pháp mới trong bảo vệ môi trường phục vụ phát triển bền vững. Chi tiết xem tại <http://ifqtm.vn/events/>

Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam

1. Liang Zhang, Xin-Mao Zhou, Ngan Thi Lu, Li-Bing Zhang. Phylogeny of the fern subfamily Pteridoideae (Pteridaceae; Pteridophyta), with the description of a new genus: *Gastoniella*. *Molecular Phylogenetics and Evolution*, Volume 109, Pages 59-72. April 2017.

2. Sang Ngoc Nguyen, Tang Van Duong, Theodore J. Papenfuss, Robert W. Murphy, Ya-Ping Zhang, et al. Corrigendum to "A novel multilocus phylogenetic estimation reveals unrecognized diversity in Asia horned toads, genus *Megophrys* sensu lato". *Molecular Phylogenetics and Evolution*, Volume 109, Page 466, April 2017.

3. Trinh Thi Thuy, Nguyen Thanh Tam, Nguyen Thi Hoang Anh, Dang Viet Hau, Dinh Thi Phong, Le Quoc Thang, Sabrina Adoriso, Tran Van Sung, Domenico V. Delfino. 20-Hydroxycyclohexanone from *Dacrycarpus imbricatus* bark inhibits the proliferation of acute myeloid leukemia cells. *Asian Pacific Journal of Tropical Medicine*, Volume 10, Issue 2, Pages 157-159, February 2017.

Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật

1. Dinh T. Nguyen, Jesús Gómez-Zurita. Diversity and trophic ecology of the Monoleptites group (Chrysomelidae: Galerucinae, Luperini) in the Nui Chua National Park (S Vietna,) with description of new species of Monolepta Chevrolat and Paleosepharie Laboissiere. *Journal of Asia-Pacific Entomology*, Volume 20, Issue 1, Pages 65-87, March 2017.

2. Manuel Lopes-Lima, Elsa Froufe, Van Tu Do, et al. Phylogeny of the most species-rich freshwater bivalve family (Bivalvia: Unionida: Unionidae): Delineating modern subfamilies and tribes. *Molecular Phylogenetics and Evolution*, Volume 106, Pages 174-191, January 2017.